

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 8 - 2022

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hải Long;

2. Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số 17/6, đường M, Phường E, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 17/6, đường M, Phường E, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì:* Bà và ông Lê T kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân Phường E, thành phố Đ, tỉnh L; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà của bố mẹ chồng ở Phường 6, thành phố Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng thời gian sau khi bà sinh con được hơn 1 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, mâu thuẫn với gia đình chồng, ông T ham chơi ăn nhậu bài bạc và không có trách nhiệm với vợ con, ngoài ra còn đánh đập bà. Bà đã 02 lần trình báo với chính quyền địa phương là Hội phụ nữ và Công an Phường 6 về sự việc mâu thuẫn của vợ chồng bà, vợ chồng bà đã sống ly thân hơn 2 năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015. Từ trước đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con gái, hiện nay con đang ở cùng bà; ly hôn bà có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con. Bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo lời trình bày của bị đơn ông Lê T thì:* Ông và bà T kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại số 17/6, đường Mai Hắc Đế, Phường 6, thành phố Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc được 1 thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông là người thiên chúa giáo.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015, hiện nay con đang sống cùng bà T. Ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T. Về con chung bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015 đến khi con thành niên và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa, đương sự vắng mặt đã được tổng đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê T; về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015 cho bà T chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê T kết hôn với nhau năm 2014, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn ông T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Phường 6, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đ, tỉnh L. Theo trình bày của bà T thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với nhau, mâu thuẫn với gia đình chồng, ông T ham chơi ăn nhậu bài bạc, không có trách nhiệm với vợ con và còn đánh đập bà, bà đã trình báo sự việc với chính quyền địa phương là Hội phụ nữ và Công an Phường 6; ông T cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nhưng ông không đồng ý ly hôn vì do ông là người thiên chúa giáo. Qua xác minh tại Hội phụ nữ và Công an Phường 6 xác định có sự việc bà T từng gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng bà. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai hiện đã sống ly thân. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, xử cho bà T và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông T cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015, hiện nay con đang sống cùng bà T. Ly hôn bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con chung và ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần giao con chung Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông Lê T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lê T.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê T được ly hôn.

2/Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyễn Trần Phù V, sinh ngày 03/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001698 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2022). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường K, tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

